

TRƯỜNG THPT TAM NÔNG
ĐỒNG THÁP
ĐỀ THI THAM KHẢO

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 757009) Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. B. Cam-pu-chia và Trung Quốc.
C. Lào và Cam-pu-chia. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 2: (ID: 757010) Hoạt động nông nghiệp nào sau đây có nguy cơ cao dẫn tới suy giảm tài nguyên đất?

- A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. B. Tăng cường việc trồng lúa nước.
C. Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học. D. Áp dụng nhiều kỹ thuật khác nhau.

Câu 3: (ID: 757011) Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?

- A. Cổ Loa. B. Thăng Long. C. Phú Xuân. D. Hội An.

Câu 4: (ID: 757012) Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực

- A. công nghiệp. B. thương mại. C. du lịch. D. nông nghiệp.

Câu 5: (ID: 757013) Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

- A. địa hình đa dạng. B. đất feralit. C. khí hậu nhiệt đới. D. nguồn nước.

Câu 6: (ID: 757014) Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm nào sau đây?

- A. Hòa Bình - Cà Mau. B. Lạng Sơn - Cà Mau. C. Lai Châu - Cần Thơ. D. Hà Nội - Cần Thơ.

Câu 7: (ID: 757015) Vận tải đường thủy nội địa nước ta phát triển nhất trên hệ thống đường thủy nội địa nước ta hiện nay?

- A. sông Thái Bình. B. sông Mê Công – sông Đồng Nai.
C. sông Mã – sông Cả. D. sông Hồng.

Câu 8: (ID: 757016) Nhóm đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố tập trung chủ yếu ở

- A. dọc sông Tiền và sông Hậu. B. hạ lưu sông Tiền và sông Hậu.
C. Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, vùng trũng Cà Mau. D. ven Biển Đông và vịnh Thái Lan.

Câu 9: (ID: 757017) Hướng phát triển nào sau đây **không** đúng đối với các cây trồng chủ lực của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong thời gian tới?

- A. Hình thành các vùng đa canh. B. Hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn.
C. Sản xuất gắn với công nghiệp chế biến. D. Sản xuất nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao.

Câu 10: (ID: 757018) Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

- A. Có một mùa đông lạnh. B. Có đất phù sa màu mỡ.
C. Có nguồn nước dồi dào. D. Có địa hình bằng phẳng.

Câu 11: (ID: 757019) Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ **không** phải là

- A. phát triển kinh tế biển xanh và bền vững. B. bảo vệ nguồn lợi, thích ứng với biến đổi khí hậu.
C. phát triển gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng. D. tập trung khai thác gần bờ gắn với chế biến.

Câu 12: (ID: 757020) Nhận xét nào sau đây đúng về đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ?

- A. Dân số trung bình, mật độ dân số thấp nhất cả nước.
B. Dân số đông, tỉ lệ dân số thành thị thấp nhất cả nước.
C. Dân số đông, tỉ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước.
D. Dân số ít, tỉ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước.

Câu 13: (ID: 757021) Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do

- A. gió mùa đông đi qua lục địa phương Bắc. B. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
C. khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển. D. ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ đến sớm.

Câu 14: (ID: 757022) Cho bảng số liệu:

Số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	2010	2015	2020	2021
Nhà nước	437,1	522,8	358,2	259,2
Ngoài Nhà nước	1 863,0	2 770,0	3 090,1	2 245,2
Có vốn đầu tư nước ngoài	15,1	17,7	18,1	15,1

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, tr.859)

Căn cứ bảng số liệu trên, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 – 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 15: (ID: 757023) Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

- A. thị trường thế giới ngày càng mở rộng và hàng hoá đa dạng.
B. có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sản xuất phát triển.
C. tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
D. sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.

Câu 16: (ID: 757024) Để phòng chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là

- A. xây hồ chứa nước để chống khô hạn và xây dựng đê, kè.
B. bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn và trồng rừng ven biển.

C. xây đê, kè chắn sóng và trồng rừng ven biển.

D. phòng chống cháy rừng và trồng rừng ven biển.

Câu 17: (ID: 757025) Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được biểu hiện ở

A. hiện tượng bào mòn, rửa trôi.

B. thành tạo địa hình cac-xtơ.

C. đất trượt, đá lở ở sườn dốc.

D. hiện tượng xâm thực mạnh.

Câu 18: (ID: 757026) Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu là

A. du lịch nghỉ dưỡng và du lịch biên giới gắn với cửa khẩu.

B. du lịch biển, đảo, sinh thái miệt vườn, du lịch văn hóa lễ hội.

C. nghiên cứu sinh thái, tham quan di sản, di tích lịch sử văn hóa.

D. kết hợp du lịch với nghiên cứu bản sắc văn hóa, du lịch mạo hiểm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 757027) Cho thông tin sau:

Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Tây Bắc với vùng núi Đông Bắc. Trong khi vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa thì vùng núi thấp Tây Bắc có cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa và vùng núi cao cảnh quan giống như vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có một mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn.

b) Vùng núi Tây Bắc ít lạnh hơn trong mùa đông do bức chắn địa hình là dãy Hoàng Liên Sơn.

c) Sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc chủ yếu là do địa hình kết hợp với hướng gió.

d) Chủ yếu do đặc điểm địa hình và vị trí địa lí nên thiên nhiên vùng núi Đông Bắc có sự phân hóa theo độ cao rõ rệt.

Câu 2: (ID: 757029) Cho thông tin sau:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 ước tính đạt 5 363,3 nghìn tỉ đồng, tăng 21,7 % so với năm 2021. Xét theo ngành kinh doanh, bán lẻ hàng hoá đạt 4 202,5 nghìn tỉ đồng, chiếm 78,3 % tổng mức và tăng 15,5 % so với năm trước; dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 565,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 10,6 % và tăng 55,2 %; dịch vụ và du lịch đạt 594,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 11,1 % và tăng 47,3 %. Đến thời điểm 31/12/2022, cả nước có 8 517 chợ, giảm 32 chợ so với năm 2021; 1 241 siêu thị, tăng 74 siêu thị và 258 trung tâm thương mại, tăng 4 trung tâm.

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, tr.711)

a) Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm nhỏ nhất, tăng nhiều nhất.

b) So với năm 2021, năm 2022 các nhóm ngành kinh doanh đều tăng.

c) So với năm 2021, năm 2022 số chợ, siêu thị và trung tâm thương mại đều tăng.

d) So với năm 2021, năm 2022 nội thương của nước ta tăng không đáng kể.

Câu 3: (ID: 757030) Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, được bồi tụ phù sa bởi hệ thống sông Mê Công và phù sa biển. Địa hình thấp và khá bằng phẳng. Vùng có ba mặt giáp biển, trên bề mặt đồng bằng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, thuận lợi cho nhiều hoạt động kinh tế.

a) Nhóm đất phổ biến của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nhóm đất phù sa.

b) Địa hình kết hợp với đất đai đã tạo thuận lợi cho vùng quy hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm quy mô lớn.

c) Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thuận lợi cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển, đặc biệt là ngành thủy sản và giao thông vận tải biển.

d) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, làm gia tăng những hiện tượng thời tiết cực đoan, tình trạng xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô ngày càng nghiêm trọng.

Câu 4: (ID: 757031) Cho bảng số liệu:

Diện tích lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm		2018	2020	2021
Tổng số		7 570,9	7 278,9	7 238,9
Trong đó	Lúa đông xuân	3 102,8	3 024,0	3 006,8
	Lúa hè thu và thu đông	2 784,8	2 669,1	2 673,5
	Lúa mùa	1 683,3	1 585,8	1 558,5

a) Tổng diện tích lúa, diện tích lúa đông xuân tăng, lúa hè thu và thu đông giảm.

b) Diện tích lúa mùa giảm nhiều nhất và nhanh nhất trong các vụ lúa ở nước ta.

c) Tỷ trọng diện tích lúa đông xuân luôn lớn nhất và có xu hướng tăng lên.

d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta qua các năm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 757032) Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 2: (ID: 757033) Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 3: (ID: 757034) Năm 2023, tổng số dân của Đồng bằng sông Cửu Long là 17,5 triệu người, tỉ lệ dân thành thị của vùng là 27,4%. Tính tổng số dân nông thôn của vùng năm 2023. (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người)

Câu 4: (ID: 757035) Tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là 732 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 103,3%. Tính giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 5: (ID: 757036) Cho bảng số liệu sau:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2010 – 2023

Năm	2010	2015	2020	2023
Chỉ số				
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,5	7,8	7,3	7,1
Sản lượng (triệu tấn)	40,0	45,1	42,7	43,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính năng suất lúa của nước ta năm 2023. (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của tạ/ha)

Câu 6: (ID: 757037) Biết tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.C	3.A	4.D	5.C	6.C	7.B	8.C	9.A	10.A
11.D	12.C	13.C	14.B	15.D	16.B	17.B	18.B		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Phía tây nước ta tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia.

Chọn C.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên đất).

Cách giải:

Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học là hoạt động có nguy cơ cao dẫn tới suy giảm tài nguyên đất.

Chọn C.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Đô thị Cổ Loa được hình thành sớm nhất ở nước ta.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nguồn lao động nước ta.

Cách giải:

Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực nông nghiệp vì nước ta là quốc gia xuất phát điểm từ nông nghiệp.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển nông nghiệp.

Cần hiểu rõ ngành nông nghiệp chịu tác động mạnh mẽ nhất bởi khí hậu.

Cách giải:

Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là khí hậu nhiệt đới.

Chọn C.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm Lai Châu - Cần Thơ.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải đường thủy (đường sông).

Cách giải:

Vận tải đường thủy nội địa nước ta phát triển nhất trên hệ thống đường thủy nội địa sông Mê Công – sông Đồng Nai.

Chọn B.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Nhóm đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, vùng trũng Cà Mau.

A sai vì đó là sự phân bố của đất phù sa sông.

D sai vì đó là sự phân bố của đất mặn.

Chọn C.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào hướng phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Gạch chân từ khóa: cây trồng chủ lực.

Cách giải:

Hình thành các vùng đa canh (canh tác nhiều loại cây trồng khác nhau trên một cùng một khu vực đất trồng) không phải là hướng phát triển đối với các cây trồng chủ lực của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong

thời gian tới vì đây không phải là biện pháp đạt hiệu quả kinh tế cao. Nên hướng vùng hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn sẽ đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Chọn A.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông do vùng có một mùa đông lạnh.

Chọn A.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ **không** phải là tập trung khai thác gần bờ gắn với chế biến. Đây mạnh khai thác xa bờ mới là hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ vì thủy sản gần bờ đang bị suy giảm mạnh.

Chọn D.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Dân số đông (18,3 triệu người – 2021), tỉ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước (66,4% - 2021) là nhận xét đúng về đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ. Mật độ dân số của vùng cao thứ hai cả nước chỉ sau vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn C.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển (mang theo hơi ẩm từ biển vào đất liền nước ta).

A sai vì gió mùa đông đi qua lục địa phương Bắc sẽ gây ra thời tiết khô.

B sai vì khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương không ảnh hưởng ở miền Bắc vào mùa đông.

D sai vì đây không phải là nguyên nhân.

Chọn C.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ thông qua các từ khóa: thay đổi cơ cấu, giai đoạn 2010 – 2021, thích hợp nhất.

Cách giải:

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 – 2021, dạng biểu đồ miền là thích hợp nhất vì biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu/chuyển dịch cơ cấu của các đối tượng từ 4 năm trở lên.

Chọn B.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ ngành thương mại với đặc điểm nền kinh tế nước ta.

Cách giải:

Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do sự phát triển kinh tế (kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng, tạo đà cho hoạt động sản xuất và thương mại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu,...) và những đổi mới trong cơ chế quản lý như:

- Cải cách thể chế: Nhà nước thực hiện cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp.
- Chính sách hỗ trợ: Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích xuất khẩu, như hỗ trợ tín dụng, xúc tiến thương mại, giảm thuế.
- Tự do hóa thương mại: Việt Nam từng bước tự do hóa thương mại, giảm thiểu các biện pháp can thiệp hành chính, tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp.

Chọn D.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào hạn chế về điều kiện tự nhiên của Bắc Trung Bộ, từ đó liên hệ và rút ra biện pháp phòng chống thiên tai quan trọng nhất của vùng.

Cách giải:

Để phòng chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn và trồng rừng ven biển vì rừng đầu nguồn và rừng ven biển rất quan trọng:

- Rừng đầu nguồn:
 - + Điều hòa nguồn nước: Rừng đầu nguồn giúp điều hòa lượng nước, giảm thiểu nguy cơ lũ lụt vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô.

- + Chống xói mòn, sạt lở: Rễ cây giữ đất, hạn chế xói mòn và sạt lở đất, đặc biệt là ở vùng đồi núi.
- + Bảo vệ môi trường: Rừng đầu nguồn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì đa dạng sinh học.
- Rừng ven biển:
- + Chắn sóng, giảm gió: Rừng ven biển có tác dụng chắn sóng, giảm gió, bảo vệ đê điều và khu dân cư ven biển.
- + Chống xâm nhập mặn: Rừng ngập mặn giúp ngăn chặn sự xâm nhập của nước mặn vào đất liền, bảo vệ nguồn nước ngọt và đất nông nghiệp.
- + Ổn định bờ biển: Rừng ven biển giúp ổn định bờ biển, hạn chế xói lở và bồi tụ.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (địa hình).

Cách giải:

Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được biểu hiện ở thành tạo địa hình cac-xtơ. Địa hình cac-xtơ được hình thành do sự hòa tan của đá vôi (cacbonat canxi) bởi nước có chứa axit cacbonic, quá trình hòa tan tạo ra các hang động, hang động, sông ngầm, và các dạng địa hình đặc trưng khác.

Chọn B.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long hoặc sự phân hóa lãnh thổ du lịch ở nước ta.

Cách giải:

Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu là du lịch biển, đảo, sinh thái miệt vườn, du lịch văn hóa lễ hội.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐĐS	ĐĐSS	ĐĐSĐ	SĐĐĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào đặc điểm khác nhau về khí hậu giữa vùng núi Đông Bắc và vùng núi Đông Bắc.
- b) Dựa vào nguyên nhân làm cho vùng núi Tây Bắc có mùa đông ít lạnh hơn vùng núi Đông Bắc.

c) Dựa vào các nguyên nhân gây ra sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

d) Dựa vào nguyên nhân làm cho vùng núi Đông Bắc có sự phân hóa theo độ cao.

Cách giải:

a) Đúng, do vị trí và đặc điểm địa hình nên vùng núi Đông Bắc có một mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn. Đây cũng chính là sự khác biệt về khí hậu mùa đông giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

b) Đúng, dãy Hoàng Liên Sơn chạy theo hướng tây bắc – đông nam làm ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

c) Đúng vì ở vùng núi Đông Bắc, địa hình thấp, chủ yếu là đồi núi thấp và các cánh cung núi mở ra phía Bắc và Đông Bắc làm gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào đất liền. Ở vùng núi Tây Bắc, có dãy Hoàng Liên Sơn chạy theo hướng tây bắc - đông nam, tạo thành bức tường chắn gió mùa Đông Bắc nên ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu hơn.

d) Sai vì thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao là do độ cao địa hình, không phải do vị trí địa lí. Hơn nữa, vùng núi Tây Bắc có địa hình cao hơn nên thiên nhiên có sự phân hóa rõ rệt theo độ cao hơn vùng núi Đông Bắc.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

a, b, c) Dựa vào đoạn thông tin.

d) Liên hệ kiến thức về ngành nội thương ở nước ta hiện nay.

Cách giải:

a) Đúng, ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 565,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 10,6 % và tăng 55,2 %; chiếm nhỏ nhất và tăng nhiều nhất so với các ngành còn lại.

b) Đúng.

c) Sai vì: “Đến thời điểm 31/12/2022, cả nước có 8 517 chợ, giảm 32 chợ so với năm 2021”

d) Sai vì nội thương của nước ta hiện nay ngày càng tăng, đặc biệt năm 2022 – đây là giai đoạn phục hồi sau thời kì Covid-19.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Dựa vào thế mạnh về tự nhiên để sản xuất lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Dựa đặc điểm kinh tế và liên hệ với hạn chế về tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Liên hệ với hạn chế tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Cách giải:

a) Đúng, đất phù sa là một trong những nhóm đất phổ biến ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; ngoài ra còn có đất phèn và đất mặn.

- b) Đúng vì địa hình bằng phẳng, diện tích đất phù sa lớn là một trong những thuận lợi chủ yếu để vùng quy hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm quy mô lớn.
- c) Sai vì đây là vùng có thềm lục địa nông nên không thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển.
- d) Đúng, đây chính là những khó khăn rất lớn mà Đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào bảng số liệu.
- b) Tính toán, giảm nhanh/chậm dùng phép trừ, giảm nhiều/ít dùng phép chia.
- c) Tính toán dựa vào công thức:
- $$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$$
- d) Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khóa: quy mô và cơ cấu, thích hợp nhất.

Cách giải:

- a) Sai vì tổng diện tích lúa, diện tích lúa đông xuân, lúa hè thu và thu đông đều giảm.
- b) Đúng vì:
- Diện tích lúa đông xuân giảm 96 nghìn ha; giảm 1,03 lần.
 - Diện tích lúa hè thu và đông xuân giảm 111,3 nghìn ha; giảm 1,04 lần.
 - Diện tích lúa mùa giảm 124,8 nghìn ha; giảm 1,08 lần.
- c) Đúng vì dựa vào công thức tính tỉ trọng, ta có bảng sau:

Tỉ trọng diện tích lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: %)

Năm		2018	2020	2021
Tổng số		100,0	100,0	100,0
Trong đó	Lúa đông xuân	41,0	41,5	41,5
	Lúa hè thu và thu đông	36,8	36,7	36,9
	Lúa mùa	22,2	21,8	21,5

⇒ Tỉ trọng diện tích lúa đông xuân luôn lớn nhất và có xu hướng tăng lên.

- d) Đúng vì biểu đồ tròn là dạng biểu đồ duy nhất thể hiện được quy mô và cơ cấu của các đối tượng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	25,3	2659	12,7	372	61,3	68,7

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 là:

$$(16,9 + 20,9 + 22,5 + \dots + 19,4)/12 = 25,3^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 25,3

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

- Xác định mùa mưa, mùa mưa là 3 tháng trở lên liên tiếp có lượng mưa từ 100 mm trở lên.
- Sau đó tính tổng lượng của các tháng mùa mưa.

Cách giải:

Mùa mưa ở Vinh năm 2022 là từ tháng 7 đến tháng 11.

$\Rightarrow$ Tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022 là:

$$255,6 + 166,3 + 1166,7 + 352,0 + 718,6 = 2659,2 \approx 2659 \text{ mm}$$

Đáp án: 2659

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ \% giá trị thành phần} \times \text{Tổng})/100$$

Cách giải:

Tỉ lệ dân nông thôn của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là: $100 - 27,4 = 72,6\%$

Tổng số dân nông thôn của vùng năm 2023 là: $(72,6 \times 17,5)/100 = 12,7$ triệu người.

Đáp án: 12,7

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- Đặt ẩn: đặt giá trị nhập khẩu là a
- Tính toán dựa vào các dữ liệu đề bài cho:
- + Tổng giá trị xuất nhập khẩu = 732 tỉ USD (= Giá trị xuất khẩu + Giá trị nhập khẩu).
- + Trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 103,3% $\Rightarrow$ Trị giá xuất khẩu = 103,3% Giá trị nhập khẩu (= 103,3%a)

Cách giải:

Gọi giá trị nhập khẩu là a

Ta có:

$$\text{Tổng giá trị xuất nhập khẩu} = 732 \text{ tỉ USD}$$

$$\Rightarrow \text{Giá trị xuất khẩu} + \text{Giá trị nhập khẩu} = 732$$

$$\Rightarrow 103,3\%a + a = 732$$

$$\Rightarrow 1,033a + a = 732$$

$$\Rightarrow a = 360 \Rightarrow \text{Giá trị nhập khẩu là } 360 \text{ tỉ USD}$$

$$\Rightarrow \text{Giá trị xuất khẩu là: } 732 - 360 = 372 \text{ tỉ USD}$$

Đáp án: 372

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Năng suất lúa của nước ta năm 2023 là: $43,5/7,1 = 6,13 \text{ tấn/ha} = 61,3 \text{ tạ/ha}$

Đáp án: 61,3

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là:

$$(10,1/14,7)*100 = 68,7\%$$

Đáp án: 68,7